

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 24-5-2021

“ *V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình* ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Thuận

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Ymíp Niê

2. Bà: Nguyễn Thị Chinh

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Hạnh - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Krông Năng.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Krông năng không tham gia phiên tòa.

Ngày 24/5/2021, Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 35/2021/TLST - HNGĐ ngày 02/3/2021 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/5/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H - sinh năm: 1995. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Trú tại: Thôn E, xã Đ, huyện K, tỉnh Đ.

2. Bị đơn: Anh Hoàng Văn T - sinh năm: 1995 (Có mặt)

Trú tại: Thôn E, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 03/02/2021, tại bản tự khai cũng như tại các biên bản làm việc tại tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Hoàng Văn T lấy nhau năm 2018, và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện K, tỉnh Đ. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian. Đến khoảng tháng 10/2019 thì bắt đầu xảy ra bất đồng, cuộc sống vợ chồng thiếu hòa hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Nên chị H bỏ đi làm ăn ở B từ đó đến nay không quay về lại nhà anh T nữa. Vợ chồng chị H cũng ly thân từ đó đến nay, không liên lạc với nhau nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ, chồng giữa chị H và anh T thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nữa nên chị H làm đơn ra Tòa án xin được ly hôn với anh T.

Về con chung: Trong thời gian sống chung giữa tôi và anh Hoàng Văn T không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai và các biên bản làm việc bị đơn anh Hoàng Văn T trình bày: Anh T và chị H tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau năm 2018, có đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND xã Đ, huyện K, tỉnh Đ. Sau khi cưới hai vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 10 năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, mâu thuẫn về lối sống, cách sinh hoạt nên thường xuyên xảy ra cãi vã làm ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng. Nên chị H bỏ đi làm ăn ở B từ cuối năm 2019 đến nay không về nhà nữa. Vợ chồng anh T cũng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị H nộp đơn xin ly hôn thì anh T không đồng ý. Vì anh T vẫn còn tình cảm với chị H. Muốn chị H quay về nhà để vợ chồng làm lại từ đầu.

Tại phiên Tòa anh T trình bày: Thực sự đến ngày hôm nay tôi vẫn muốn níu kéo cuộc hôn nhân này, tuy nhiên chị H vẫn một mực đòi ly hôn thì tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi và chị H được ly hôn theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Trong thời gian sống chung giữa tôi và chị H không có con chung.

Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh T ở hội phụ nữ thôn E, xã Đ, huyện K, tỉnh Đ thì chính quyền địa phương không nắm được việc mâu thuẫn gia đình giữa chị H và anh T vì chị H, anh T không báo với chính quyền và cũng không yêu cầu chính quyền địa phương hòa giải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật: Đây là tranh chấp hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS và loại việc tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Về trình tự thủ tục tố tụng: Tại phiên Tòa chị Hạnh vắng mặt, tuy nhiên chị H có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy HĐXX xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị H là phù hợp với điểm khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Hoàng Văn T là quan hệ hôn nhân hợp pháp có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật trên cơ sở tự nguyện do vậy được pháp luật bảo vệ. Trong thời gian chung sống giữa chị Nguyễn Thị H và anh Hoàng Văn T đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là không hợp nhau về lối sống, cách sinh hoạt nên thường xuyên xảy ra cãi vã làm ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng, hai vợ chồng không có tiếng nói chung. Chị H và anh T đã sống ly thân từ cuối năm 2019 cho đến nay. HĐXX xét thấy hôn nhân của chị H và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa anh T đồng ý ly hôn với chị H, do vậy cho chị Nguyễn Thị H và anh Hoàng Văn T ly hôn là phù hợp với Điều 56 của luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị H, anh Hoàng Văn T không có con chung.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị H, anh Hoàng Văn T không yêu cầu toà án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 56 Luật hôn nhân gia đình. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.
- Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Hoàng Văn T.
- Về con chung: Chị Nguyễn Thị H, anh Hoàng Văn T không có con chung.
- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị H, anh Hoàng Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí Chị Nguyễn Thị H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2019/0015289 ngày 25/2/2021 của chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND H. Krông Năng;
- THADS H. Krông Năng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Phạm Minh Thuận